

CHẤM DỨT TÌNH TRẠNG NÔ LỆ KÉO DÀI TRONG XÃ HỘI VIỆT NAM

TÔN THẤT THIÊN

Thế nào là “nô lệ”?

Trong những năm qua, cuộc tranh đấu của một phần lớn, và có thể nói là của hầu hết người Việt, ngoài cũng như trong nước, nhằm vào những mục tiêu phổ thông, như tự do, dân chủ, nhân quyền, dân quyền... Cuộc tranh đấu này nặng tính cách chính trị, và đối tượng của nó là nhóm cầm quyền ở Việt Nam hiện tại và chế độ cộng sản mà nhóm này chủ trương “kiên trì.” Điều ít người để ý đến là tranh đấu chính trị chỉ là một phần, và một phần nhỏ, của một vấn đề khác, hệ trọng hơn đối với Việt Nam. Đó là vấn đề thay đổi-cải thiện xã hội để chấm dứt tình trạng nô lệ của dân Việt vẫn kéo dài cho đến ngày nay. Vấn đề này có hai phần: một phần liên quan đến chính quyền và chính sách hiện tại, và một phần liên quan đến tất cả người Việt và tập quán của họ.

Phần đầu, tranh đấu cho tự do, dân chủ, nhân quyền, dân quyền qua sự lật đổ, thay đổi, chính thể cộng sản hiện tại, hay đòi nó phải cải tổ, biến thể, biến chất... là một cuộc tranh đấu chính trị. Nó chĩa mũi dùi vào một nhóm người có thể nhận diện rõ ràng, và có thể bị gán cho những nhãn hiệu không đẹp. Nhưng dù vấn đề chính sách, thể chế chính trị giải quyết xong thì vấn đề thứ hai, lớn hơn, vẫn còn sờ sờ đó.

Phần thứ hai liên quan đến toàn thể xã hội Việt Nam. Nó đòi hỏi một sự thay đổi rất lớn về tư tưởng, giá trị, tâm lý, tập quán của tất cả mọi người Việt. Nó là một cuộc tranh đấu nhằm thay đổi văn hóa, và khía cạnh tế nhị là nó là một cuộc tranh đấu của mỗi người Việt chống chính bản thân mình. Trong cuộc tranh đấu nội tâm này, ta khó gán những nhãn hiệu không đẹp cho toàn thể người Việt. Thêm nữa, làm cho toàn thể, hay ít nhất là đại đa số, người Việt thay đổi tư tưởng, giá trị, tâm lý, tập quán lại là một điều cực kỳ khó khăn, tế nhị. Nhưng nếu vấn đề này không được giải quyết ổn thoả thì Việt Nam vẫn không tiến lên được.

Cho nên, ta cần phải xét kỹ vấn đề để thấy rõ

những khía cạnh phức tạp của nó, và tìm ra giải pháp thích ứng.

Để bàn luận một cách có hiệu quả, trước hết ta cần phải định rõ nghĩa của “nô lệ”, tìm hiểu bản chất, và nhất là đặc trưng của nó, để có thể nhận diện dễ dàng những xã hội nô lệ, và giải thích tại sao, tuy Đảng Cộng Sản Việt Nam tuyên bố cách mạng của họ đã thành công và đã giải phóng dân tộc, xã hội Việt Nam ngày nay vẫn là một xã hội nô lệ.

Nô lệ là một tình trạng, mà tình trạng đó còn, thì dân tộc ở trong tình trạng đó vẫn là dân nô lệ. Nô lệ không phải là một cái gì mới. Lịch sử nhân loại là một lịch sử của con người giải thoát khỏi được thân phận nô lệ qua thời gian dài, từ thời thượng cổ. Chúng ta quen thuộc với những chuyện về nô lệ của những chế độ Hy Lạp, La mã, Trung Đông, Phi Châu, Mỹ Châu, cho đến giữa thế kỷ XIX. Những người bị mang số phận “nô lệ” không có một quyền gì cả, kể cả quyền sống. Họ chỉ làm lao động sản xuất, hay nô tỳ phục dịch cho chủ nhân. Họ hoàn toàn là sở hữu của chủ họ, có thể bị ngược đãi, đánh đập, ngay cả giết chết, mua, bán, như một con vật. Đặc trưng của thân phận người nô lệ là họ không có quyền bàn cãi về chính sự – không được tự do ngôn luận –, không có quyền làm đại diện cho người khác – không được tự do ứng cử –, hoặc lựa chọn người đại diện cho mình – không được tự do bầu cử –. Nói tóm, đặc trưng của người nô lệ là không được coi như người công dân bình thường, đặc biệt là không được tham gia chính trị. “Tham gia chính trị” ở đây phải hiểu theo nghĩa đúng của nó, là: “tham dự vào sự bàn và lấy những quyết định nhỏ lớn, nhất là những quyết định lớn có tính cách chiến lược, về đời sống hiện tại của người dân, và tương lai của đất nước.”

Chính trị: một đề tài cấm kỵ

Được, hay không được, tham gia chính trị là tiêu chuẩn đặc trưng cho ta quyết định một người,

một dân tộc nào đó, có ở trong tình trạng nô lệ hay không. Vậy, để xác định người dân Việt Nam hiện nay còn mang thân phận nô lệ nữa không, cần nghe những nhân chứng trực tiếp, những người đã đi Việt Nam, như là những người gốc Việt, và người ngoại quốc, không phải là người Việt và không biết tiếng Việt, nên không nghe, không hiểu, không đoán được người Việt tại nơi thực sự nói gì, nghĩ gì, muốn gì.

Những người đi Việt Nam về có thể chia làm bốn nhóm. Một nhóm viếng thăm gia đình. Họ chỉ thăm cha mẹ, bà con họ hàng, săn sóc mồ mả tổ tiên, xong rồi đi, không để ý gì đến chuyện gì khác. Nhóm này tương đối nhỏ.

Nhóm thứ hai gồm những người về Việt Nam “làm ăn.” Họ không bị chính quyền gây phiền hà. Trái lại, họ rất được chính quyền o bế vì, mang tiền về đầu tư, họ tạo cơ hội cho cán bộ được chia chác. Tất nhiên họ có cách biện minh khá đẹp cho hành động của họ: sự đầu tư của họ là một hành động “yêu nước” — đóng góp vào công cuộc phát triển kinh tế có lợi cho nước. Thực ra, thì họ chỉ “làm” để “ăn” thôi, chứ không để ý gì đến chính trị, nghĩa là về số phận của đồng bào và đất nước. Vô tình, hay cố ý, họ khuyến khích chính quyền cộng sản hiện tại tiếp tục chính sách nô lệ hoá dân tộc. Nhóm này cũng tương đối nhỏ.

Nhóm thứ ba là nhóm đi Việt Nam để ăn chơi cho thoải thích, vì họ nghe nói rằng, ngày nay, về phương diện này, “Việt Nam nay thay đổi, tiến bộ nhiều lắm, thứ gì cũng có, mà lại rẻ tiền hơn ở Âu-Mỹ nhiều.” Nhóm này cũng như các nhóm trên, không hề bị nhân viên Nhà nước cộng sản gây phiền hà, vì họ “không làm chính trị, không theo, không chống ai, hoặc gì, cả”; trong “thứ gì cũng có” của họ không ghi các mục như: thân phận của dân, hoặc tương lai đất nước. Họ là người Việt Nam, nhưng trên đất Việt Nam họ “chỉ là khách du lịch”: đến, nhìn, rồi đi, không cần, và cũng không muốn biết, những gì xảy ra cho những người Việt Nam sống tại, trước đó hay sau đó. Họ cũng là những người đương nhiên khuyến khích chính quyền cộng sản tiếp tục chính sách nô lệ hoá dân tộc Việt Nam hiện nay. Nhóm này là nhóm đông nhất.

Nhóm thứ tư gồm một số rất ít người ưu tư về số phận của xứ sở, của đồng bào, và tương lai của đất nước. Vì vậy, họ để ý đến những gì xảy ra quanh họ trong thời gian họ ở Việt Nam. Họ nhận xét một cách kín đáo, nhưng tỉ mỉ, và nhờ

vậy chúng ta có dữ kiện chính xác để nhận định người dân Việt hiện nay ở Việt Nam còn ở trong tình trạng nô lệ hay không. Về phương diện này chúng ta may mắn có những bài tường thuật rất chi tiết của những người như ông Hà Ngọc Báu và Nguyễn Anh Tuấn, là những người đã đi về Việt Nam nhiều lần trong những năm qua, đã có những nhận xét về tình hình trong nước, và đã chia sẻ những nhận xét rất sâu sắc của họ với chúng ta trên mặt báo *Thông Luận*.

Ông Hà Ngọc Báu đã chú ý đến nỗi ưu tư của giới trung niên và giới trẻ tại Sài Gòn hiện nay, và nhận thấy rằng cả hai giới đều coi chính trị như là điều cấm kỵ.

Về thành phần trung niên thì “tương lai đất nước hay chính trị là những điều cấm kỵ, không ai nghĩ tới.” Quyền lợi và danh dự của đất nước “coi như không có và cũng không cần biết tới.”

Về thành phần trẻ tuổi, ý thức chính trị của họ cao hay thấp, và họ sẵn sàng tham gia chính trị đến đâu, thì ông H.N.Báu nhận xét như sau: “Chính trị hình như là một đề tài cấm kỵ, từ trong gia đình đến ngoài xã hội, không ai dám bàn tới. Nếu có hỏi thì đại đa số đều nói không biết hay không thích.” Những thanh thiếu niên đang còn đi học, trong các trường trung học và đại học công và tư, tất cả đều bị đoàn ngũ hoá... ”Ý thức chính trị của những thanh niên này rất kém, nếu không muốn nói là không có.” Những gì họ biết về điều do Đảng Đoàn chỉ đạo, “sự giao tiếp và phát biểu đều bị kiểm soát gắt gao... Một cách cụ thể hơn, 84 % thanh niên trong lứa tuổi này không quan tâm đến chính trị...” Sự thật đáng buồn, ông H.N.Báu nói, là “đại đa số thanh niên Việt Nam ở Sài Gòn không biết gì hết. Họ cũng chẳng nghe đài, chẳng đọc báo nước ngoài...” Nếu tình trạng thanh niên Sài Gòn như thế, thì ta có thể nghĩ rằng tình trạng thanh niên ở ngoài Sài Gòn lại còn tệ hơn nữa.

Ông Nguyễn Anh Tuấn thì nhận xét như sau về tuổi trẻ Việt Nam: “Trong hoàn cảnh hiện nay, mỗi người cứ loay hoay tìm một lối thoát riêng cho chính mình, không cần biết gì khác.” Những tin tức về những bạn can đảm, dám dấn thân tranh đấu cho tự do dân chủ “gần như không được biết đến,” vì hệ thống thông tin bưng bít của nhà nước, và vì sự sợ hãi mà gia đình và chế độ cố gây ra. “Không ai muốn con cháu mình tham gia vào chính trị, vì sinh hoạt chính trị tại Việt Nam, nếu không ở trong guồng máy Đảng, thì chỉ có đi ở tù.”

Ngoài hai ông Hà Ngọc Báu và Nguyễn Tuấn Anh, còn có ông Vương Sử, cũng có đi Việt Nam, và xác nhận rằng trong khi đa số người Việt ở ngoại quốc rất quan tâm đến đất nước, thì đa số người ở trong nước “lại bàng quan với chính sự.” Lý do của “nghịch lý” này là ĐCSVN đã đẩy mọi người vào cái thế ai cũng phải lo kiếm tiền nuôi gia đình và để trang trải các khoản “lệ phí” do tham nhũng gây ra, và “chính đảng cộng sản đã tạo ra nếp sống buộc mọi người phải vào trong cái guồng máy đó... không còn nghĩ gì đến cái chung nữa.”

Ta có thể tóm tắt tình trạng trên đây bằng một câu: *người Việt Nam không làm chính trị được, vì họ không được làm chính trị.* Mà không được làm chính trị là đặc trưng của người nô lệ. Cho nên, tuy rằng họ đã tranh đấu gánh chịu những hy sinh rất nặng trong một thời gian rất dài, để được giải phóng, và tuy rằng chế độ phong kiến quan lại Việt Nam và chế độ thực dân Pháp kết thúc đã hơn 50 năm rồi, tình trạng của họ ngày nay vẫn không thay đổi: nó vẫn là một tình trạng nô lệ. Phần khác, không những tình trạng này kéo dài, mà nó lại còn tồi tệ hơn trước nữa, vì chính quyền hiện nay có nhiều công an, cảnh sát hơn trước, xử dụng những phương pháp và dụng cụ đàn áp tinh vi, và nhất là đàn áp triệt để, hơn trước nhiều.

Tại sao tình trạng nô lệ kéo dài?

Câu hỏi tự nhiên cần đặt ra ở đây là: làm sao có tình trạng lạ lùng như vậy?

Để trả lời tường tận câu hỏi này, vấn đề phải được xét dưới hai khía cạnh. Khía cạnh thứ nhất liên quan đến những người cai trị – nhân vật, tư tưởng, tổ chức, chính sách ... – nghĩa là khía cạnh thể chế. Khía cạnh thứ hai liên quan đến những người bị trị – dân chúng, triết lý về cuộc sống, ưu tiên giá trị, tập quán... —, nghĩa là khía cạnh tâm lý. Nếu hai khía cạnh này gom lại với nhau thì học giả chính trị sẽ xếp vấn đề vào loại thể chế chính trị, và gọi Việt Nam là một “quốc gia không dân chủ” (hay “chuyên chế”), trong khi các nhà học giả xã hội và nhân chủng sẽ xếp vấn đề vào loại văn hoá, và gọi Việt Nam là một “văn hoá nô lệ.”

Vì khía cạnh “không dân chủ”/“chuyên chế” đã được bàn đến nhiều, và giới hạn hơn khía cạnh “nô lệ”/tâm lý, về phương diện địa bàn cũng như về phương diện thời gian, nên bài này sẽ cứu xét vấn đề từ góc độ của xã hội học. Từ góc độ này

có thể thấy rộng hơn, xa hơn, và nhứt là xác thực hơn là từ góc độ chính trị. Thêm nữa, tính cách xác thực của những luận đề được đưa ra sẽ được bảo đảm.

Phân tích vấn đề từ góc độ xã hội học phải dựa trên những nhận xét của nhân chứng trực tiếp. Về những gì liên hệ đến chế độ cộng sản Việt Nam hiện tại, tất nhiên những luận đề mà ta đưa ra phải căn cứ trên những nhận xét xuất phát từ những người đang, hay đã, ở trong hàng ngũ cộng sản. Về điểm này, chúng ta rất may có những nhận xét rất sâu sắc, của hai người đã suy tư nhiều về vấn đề đang bàn. Đó là Bà Dương Thu Hương và Ông Nguyễn Thế Việt.

Dương Thu Hương là một tên quen thuộc với tất cả người Việt trong và ngoài nước. Bà đã viết và tuyên bố nhiều điều lên án chế độ cộng sản hiện tại. Bà giúp ta hiểu rõ bản chất của cộng sản Việt Nam hơn nhờ Bà “nằm trong chăn nên mới biết chăn có rận,” như Bà đã nói trong một cuộc phỏng vấn với ký giả Đinh Quang Anh Thái, của Đài Little Saigon Radio ngày 30-4-2001. Bài này chứa nhiều nhận xét rất căn bản và sâu sắc về vấn đề tại sao dân Việt Nam vẫn nô lệ dài dài. Nó chiếu sáng vấn đề, làm nổi bật những khía cạnh tế nhị thường ít được để ý. Trong năm 2002, Bà cũng có được ký giả Đinh Quang Anh Thái phỏng vấn một lần nữa, và Bà cũng có đề cập đến vấn đề nô lệ, nhưng ít chi tiết hơn.

Nguyễn Thế Việt là một người ít được biết hơn, có lẽ vì trong một thời gian dài, Ông ta không xuất hiện dưới tên thật, mà chỉ dùng bút hiệu Nguyễn Hữu Lê. Ông là một Tiến sĩ Ngữ Văn, hiện cư trú ở Đức. Ông ta đã phân tích chế độ cộng sản Việt Nam một cách rất tỉ mỉ, và những nhận xét của ông ta hết sức sắc sảo và chính xác. Cũng như Bà Dương Thu Hương, ông chú ý đặc biệt đến vấn đề nô lệ, và nhờ cũng nằm trong chăn nên ông biết chăn có rận thế nào. Ông đã soi chiếu rất nhiều ánh sáng vào vấn đề này trong một bài phân tích bản chất chế độ cộng sản, “Những người cộng sản đã tự mình thủ tiêu mình như thế nào?” đăng trong *Việt Luận*.

Là người từ ngoài cửa sổ nhìn vào, nhờ có Bà Dương Thu Hương và Ông Nguyễn Thế Việt, là người ở trong, bật đèn nên tôi thấy được rõ ràng hơn những khía cạnh tế nhị, nhưng rất quan trọng, của vấn đề. Và những luận đề của tôi sẽ dựa rất nhiều trên những nhận xét của hai tác giả này.

Như đã nói ở trên, vấn đề tình trạng nô lệ của dân Việt kéo dài có hai khía cạnh: khía cạnh thể

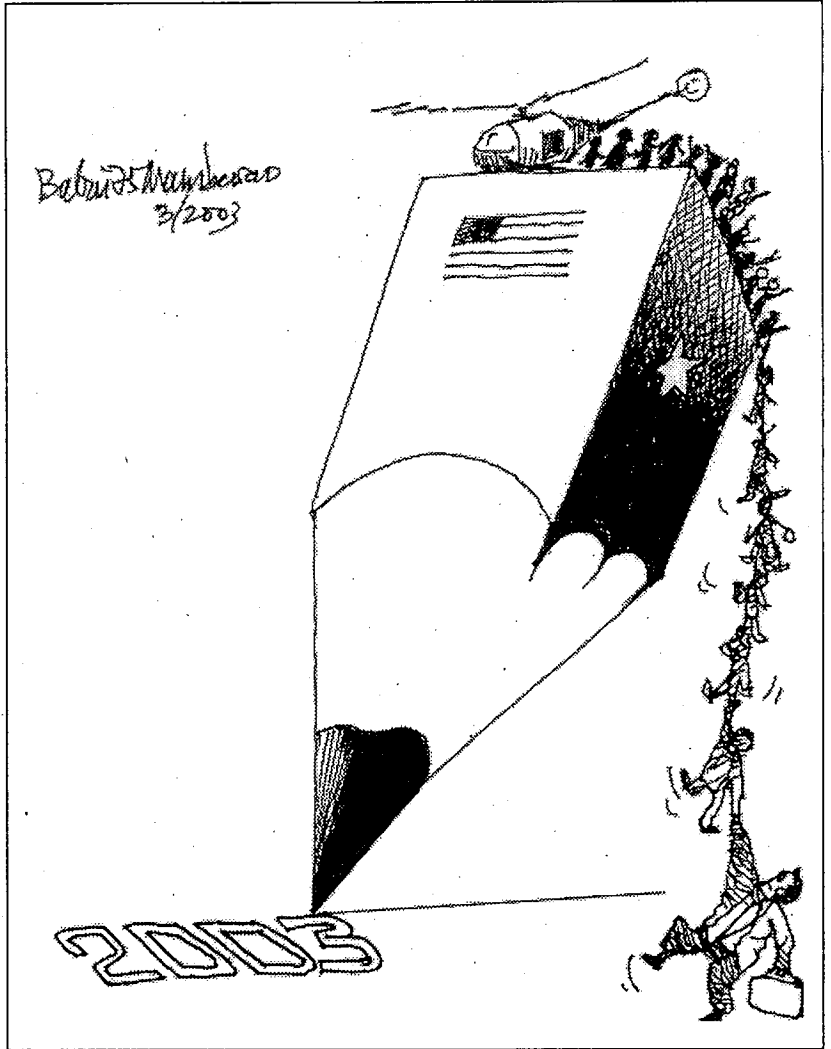
chế cộng sản, và khía cạnh tâm lý của người dân.

Thể chế cộng sản: chuyên chế, tàn bạo

Về thể chế tưởng không cần nói nhiều. Nó có thể tóm tắt như sau, như Ông Hà Ngọc Báu nhận xét: “Vấn đề là Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn coi đất nước này là của riêng họ, không ai được quyền chia sẻ. Chính vì thế mà không ai quan tâm với đất nước. Mà có quan tâm cũng không làm gì được vì chính quyền cộng sản không cần và không muốn. Họ chỉ muốn mọi người Việt Nam đừng quan tâm tới họ và tới đất nước để họ muốn làm gì thì làm nhằm duy trì vô hạn định vai trò lãnh đạo đất nước.” Vấn đề có vẻ chỉ giản dị như thế. Nhưng nó buộc ta phải đặt câu hỏi: làm sao mà Đảng Cộng Sản chiếm được cái thể “muốn làm gì thì làm” như vậy? Ở đây, Ông Nguyễn Thế Việt, với tư cách một người xuất thân từ chế độ cộng sản, đã giải thích một cách rất rõ ràng.

Theo Ông Việt, đối với người cộng sản đã nhập tâm chủ thuyết Mác-Lê, mô hình lê-ni-nít bôn-sê-vích mà Hồ Chí Minh đã truyền cho đàn em, quan niệm thế giới đơn giản chỉ có hai cực — “bạn-thù”, “địch-ta” —, và trong cuộc đấu tranh giai cấp một mất một còn, “ta” phải diệt “địch” không nương tay để thiết lập một nền chuyên chế vô sản. Những kẻ nắm quyền lực trong nền chuyên chế này là những “người cộng sản cơ chế,” nhóm chóp bu của ĐCSVN. Là những người thuộc loại “đểu cáng” và “sở trường dùng thủ đoạn,” sẵn sàng “dọa nạt, áp chế, kể cả bạo lực” mà “mức độ tàn bạo và bỉ ổi...khó mà lường được,” họ tiêu diệt hết địch thủ,

và thiết lập một thể chế độc tài. “Địch” đây không chỉ là những kẻ ngoài Đảng chống đối chủ nghĩa cộng sản, mà ngay cả những người trong Đảng thuộc về loại “cộng sản lý tưởng” bị coi là đối thủ cạnh tranh. Với chế độ độc tài, và nhân danh chính thống, đám “cộng sản cơ chế” này chỉ lo “củng cố và củng cố hơn nữa,... bằng mọi giá” nền chuyên chế mà họ gọi là vô sản, bóp nghẹt mọi quyền tự do dân chủ, thủ tiêu trắng



trộn những quyền của con người.

Trong tình trạng trên, “muốn tiến thân thì phải biết thỏa hiệp và đồng lõa với người cơ chế... cái vòng luẩn quẩn dưới nình trên, trên nết dưới, tạo thành một màng lưới thỏa hiệp đồng lõa từ trung ương đến địa phương, đầu đầu con người cơ chế cũng thẳng thắn và con người lý tưởng đành vái thua để tìm chỗ yên thân.” Con người cộng sản lý tưởng, vì không biết thủ đoạn, phải “nhường vị

trí thông soái cho con người cơ chế” và nếu còn chút lương tâm, thì anh ta cũng đập tắt nó đi bằng lời nói thực dụng: “Đấu tranh thì phải biết tránh đầu.”

Nếu có biết chuyện mờ ám của bề trên họ chỉ “tắc lưỡi cho qua,” nếu không nói là “phụ hoạ theo để mong được tước lộc.”

Cho nên, chế độ độc tài là môi trường lý tưởng của con người cơ chế. “Nó ngênh ngang thức thách lương tri con người nhưng không ai dám lên tiếng vì nó dựa vào sức mạnh của cơ chế.” Qua thời gian, những hành vi nói trên trở thành thói quen, và một tâm lý nô lệ được nuôi dưỡng. Trong một bài phân tích khác, Ông Nguyễn Thế Việt viết: “Tâm lý nô lệ đã định hình trong mọi người, trở thành một tâm lý cộng đồng, một tín ngưỡng, không dễ gì một sớm một chiều mà phá vỡ được.”

Về điểm này, nhận xét của Ông Nguyễn Thế Việt rất giống những nhận xét của Bà Dương Thu Hương, một người cũng nằm trong chần chộn sản nên biết nó có rận thế nào. Ở Việt Nam, nói về quốc sự, chính trị, tất nhiên là nói đến những hoạt động của Đảng Cộng Sản. Nhưng, như nhiều người, Bà “thờ ơ” vì nó “rất nhàm chán.” Xã Hội Chủ Nghĩa “chỉ là những câu nói đầu lưỡi,” những “trò lừa bịp của danh từ.” Tất cả những lời lẽ của giới lãnh đạo là “dối trá.” Nhưng tại sao trò lừa bịp này còn tồn tại?

Tâm lý dân: sợ bạo lực

Theo Bà Dương Thu Hương, trò lừa bịp nói trên tồn tại được vì nó dựa trên hai vế.

Vế thứ nhất là kẻ cầm quyền thì dùng sức mạnh và bạo lực đàn áp dân chúng; vế thứ hai là dân chúng hèn nhát vì sợ bạo lực và tinh thần nô lệ đã tẩm nhiễm quá lâu rồi. Đó là bức tranh chung của Việt Nam về vấn đề nô lệ. Đi vào chi tiết, thì thế nào?

Về vế đầu, giới lãnh đạo, tuy biết là những gì họ nói chỉ là “chuyện đầu lưỡi” nhưng họ vẫn làm là vì “họ dựa vào sự hèn nhát của dân chúng.” Dân chúng sợ hãi họ vì bản thân của chế độ này là “chế độ dựa trên nòng súng” theo đúng nguyên tắc của Lenin. Người dân “vì sợ hãi mà phải hèn nhát cúi đầu” dù họ biết rằng những điều họ nghe là những điều dã dối. Vì sợ hãi nên “họ đành nuốt nước bọt.” Ở đây, tưởng nên nhắc rằng trong những tác phẩm quen thuộc, *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên, và *Viết cho Mẹ và Quốc hội* của Nguyễn Văn Trấn, cũng có nói nhiều đến

khía cạnh sợ hãi của mọi người trong chế độ cộng sản, từ những đảng viên thường cho đến những cán bộ cao cấp, và ngay cả các viên chức cao cấp nhất của Đảng, như Chủ tịch Nước Tôn Đức Thắng.

Về vế thứ hai, sự cam phận, hèn nhát vì sợ bạo lực, và bị tẩm nhiễm tinh thần nô lệ quá lâu rồi, Bà Dương Thu Hương đề cập đến những khía cạnh có tính chất căn bản hơn, và cần được suy ngẫm nhiều hơn. Những nhận xét của Bà có lẽ ít người đã nghĩ tới, hay sẵn sàng chấp nhận.

Ở đây, rõ ràng là có một nghịch lý. Như Ông Đinh Quang Anh Thái, người phỏng vấn, nêu ra: tại sao một dân tộc dũng cảm biết bao trong chiến tranh mà lại tỏ ra hèn mọn như thế trong hoà bình? Bà Dương Thu Hương cho đây là một vấn đề tâm lý. Nói chung con người “thường an phận” và có lẽ “bản chất con người bao giờ cũng nương theo phe mạnh... cũng tìm những lý do để bào chữa cho mình để được sống còn... con người là yếu hèn, gió chiều nào che chiều ấy.” Tâm lý này là kết hợp của bốn yếu tố.

Một là nhu cầu tồn tại. Lòng can đảm của con người có hạn. Con người là một thực thể rất dễ dao động, vì thế khi đã ra khỏi lò lửa chiến tranh thì rất dễ nảy sinh ra “tâm lý đầu sao thì sống vẫn hơn chết.” Cho nên tất cả người Việt, “dũng cảm bao nhiêu trong chiến tranh thì hèn nhát bấy nhiêu khi hoà bình.” Vì họ đã khổ đau rồi nên “thà họ cam chịu sự thống trị của một chính quyền hà khắc để còn được tồn tại, còn ăn được miếng cơm với nước mắm hơn là chết.”

Hai là chiến tranh. Chiến tranh liên miên đã tạo ra hai loại tâm lý con người: tâm lý của lớp tướng và tâm lý của lớp quân sĩ. Chiến tranh dạy cho con người ta tâm lý tuân lệnh. “Thái độ tuân lệnh đào tạo ra phẩm chất nô lệ.” Cho nên “sau khi hoà bình, lập tức người lính rất ngoan cường trong chiến tranh đã trở thành những công dân hèn nhát.”

Ba là thói quen. Thói quen “tuân lệnh, tuân lệnh, và tuân lệnh” đã tẩm nhiễm vào tâm hồn người Việt rồi, nên họ chỉ trở thành “người lính trong thời bình,” nghĩa là “những kẻ hèn, chỉ biết cúi đầu tuân lệnh mà thôi.” Và họ lại ra lệnh cho con cái họ, hoặc những kẻ yếu thế hơn họ. Đây là “tâm lý song trùng”: hoặc là làm xếp, hoặc là làm đây đó.

Cuối cùng, người Việt Nam “vẫn chưa ý thức được quyền sống, chưa ý thức được về nhân phẩm.” Họ “chưa có khái niệm về quyền công

dân, chưa có ý thức để làm một người công dân, như công dân các nước tự do.” Những người không có ý thức về quyền công dân phần đông là dân cày, nghĩa là 90 % dân tộc Việt Nam.

Làm sao thoát khỏi vòng luẩn quẩn?

Ông Nguyễn Thế Việt và Bà Dương Thu Hương có vẻ quá yếm thế. Nếu chỉ căn cứ trên những gì đã nêu trên đây về tình trạng xã hội Việt Nam thì ta sẽ cho rằng dân Việt Nam đang ở trong một tình trạng tuyệt vọng, không làm sao thoát khỏi vòng luẩn quẩn nói trên, và phải vĩnh viễn mang thân phận nô lệ. Nhưng, thực ra, họ không đến nỗi thảm đùng như vậy.

Ở đây, tưởng cần nhắc lại là vấn đề nô lệ có hai khía cạnh: một khía cạnh chính trị, liên quan đến thể chế, và một khía cạnh văn hoá, liên quan đến tâm lý.

Vấn đề chính trị là vấn đề thay đổi thể chế. Bà Dương Thu Hương cho rằng dù ai nắm quyền đi nữa thì “cơ chế này vẫn phải thay đổi.” Không có một cá nhân nào có thể tử tế được. Vấn đề là “phải có cơ chế để buộc con người phải tử tế.” Việt Nam muốn tiến bộ thì “phải xoá bỏ chế độ độc đảng và người dân phải có quyền bầu cử thực sự.” Trước sau “phải có một chế độ cho dân chúng được quyền bầu lên những người đại biểu của mình.” Bầu cử thực sự là được sử dụng quyền công dân, là tham chính. Và như vậy là ra khỏi tình trạng nô lệ. Nhưng, trong tình trạng độc tài, khủng bố, người cộng sản cơ chế dùng bạo lực và thủ đoạn triệt để tiêu diệt mọi đối kháng, mọi cạnh tranh, làm sao thay đổi thể chế? Về điểm này, Ông Nguyễn Thế Việt đã cho ta thấy chiều hướng của những biến chuyển trong nội bộ ĐCSVN dẫn đến một tình trạng đưa đến sự “phi chính thống hoá” và, lâm thời, chấm dứt cơ chế cộng sản hiện tại.

Tôi đã có dịp trình bày vấn đề trên đây trong bài “Một cuộc đấu tranh mới,” trong *Thông Luận* nhân dịp bàn về tướng Trần Độ. Ở đây chỉ xin nhắc lại một đoạn tóm tắt đề luận chính: “ngày nay tướng Trần Độ được coi như là biểu tượng và một tấm gương cho những người tranh đấu cho dân chủ *khắp nơi, và trong mọi giới người Việt, trong cũng như ngoài Đảng.* Chuyển biến này mở đường cho sự thành hình của một mặt trận dân chủ rộng rãi gồm tất cả các “người dân chủ,” xuất phát từ hàng ngũ cộng sản hay chống cộng, trong nước và ngoài nước. Sự thành hình này là điều kiện thiết yếu cho sự dẹp bỏ chế độ cộng

sản độc tài và thay thế nó bằng một chế độ dân chủ thực sự. Đây cũng là một chuyển biến mới, đầy triển vọng cho tương lai...”

Về phương diện tâm lý/văn hoá, vấn đề phức tạp hơn. Bà Dương Thu Hương nhận xét rằng một dân tộc mà mang cái tâm lý “song trùng” – hoặc là làm xếp, hoặc là làm dây tở — “thì rất khó mà trở thành một dân tộc có tự do-dân chủ”, bởi vì muốn có tự do-dân chủ thì “xã hội phải hình thành được những người công dân tự do, biết quyền của mình, biết mình được hưởng những gì và như thế họ phải có ý thức về quyền công dân đã”. Lúc đó họ mới “khao khát làm công dân”. Bà “thú nhận rằng Bà “không dám lạc quan lắm”, vì 90 % dân Việt Nam là nông dân, và “không thể đòi hỏi những người nông dân một sớm một chiều có ý thức về quyền công dân được.” Mọi việc đều phải cần thời gian. Còn về dân chủ thì “cần có tri thức về xã hội, về quyền sống của con người và tri thức về quyền công dân.” Cho nên chúng ta phải tập chờ đợi. Nhưng Bà Dương Thu Hương cũng tỏ ra “không đến nỗi tuyệt vọng,” vì bây giờ, với phương tiện của văn minh tràn ngập Việt Nam, “dù muốn hay không muốn thì cộng sản cũng không giữ được cái chế độ ngu dân tuyệt đối như trước nữa.” Qua TV, Radio, người dân “không đến nỗi người ta chọc mù mắt, bịt tai như ngày xưa,” họ cũng tỉnh ra, nhưng phải có thời gian, “không đốt cháy giai đoạn được.”

Loại bỏ điều kiện tạo ra tâm lý nô lệ

Phải cần thời gian. Những nhận xét của Bà Dương Thu Hương và Ông Nguyễn Thế Việt, những người trong nước, trong cuộc, và đã suy ngẫm nhiều về vấn đề, cho ta thấy rõ ràng như vậy. Và những phân tích của họ gợi ý cho ta thấy rõ ràng trong thời gian này, muốn sớm chấm dứt tình trạng nô lệ hiện tại của dân Việt Nam, cần đẩy mạnh những hoạt động nhằm loại bỏ những điều kiện tạo ra tâm lý chấp nhận nô lệ trong người dân Việt. Những điều kiện này thuộc ba lãnh vực: giáo dục, hoà bình, phát triển kinh tế.

Về giáo dục, điều căn bản là làm cho người dân thường, đặc biệt là trong giới nông dân, có tri thức về những quyền căn bản của một người công dân. Các tổ chức, đoàn thể chính trị, phải có những chương trình, kế hoạch, chiến dịch và tổ chức để đi đến tận người dân, vào giữa người dân, để giải thích một cách cụ thể thế nào là thân phận của một người công dân so với thân phận một người nô lệ, thay vì chỉ ra tuyên ngôn, tuyên cáo từ

hàng nghìn cây số ở ngoại quốc đòi lãnh đạo ĐCSVN phải giải thể, sửa đổi Hiến pháp, thay đổi chính sách, v.v..., hoặc kêu gọi nhân dân Việt Nam "nổi dậy" lật đổ chính quyền cộng sản... Một việc rất cụ thể cần làm, và có thể làm được dễ dàng, là lập một nhóm biên tập để soạn thảo một quyển sách nhỏ loại bỏ tui như quyển sách dạy giáo lý (catéchisme) mà các tôn giáo thường phát cho con chiên, trong đó dùng văn giản dị, giải thích rõ ràng cho người dân hiểu thế nào là một người công dân bình thường – người này có những quyền gì. Các đoàn thể tự nhận tranh đấu cho dân chủ phải làm sao cho quyển sách nhỏ này đến tay mọi người Việt Nam ở trong Việt Nam, như là trong giới lao động và nông dân.

Về hoà bình, có hai khía cạnh: đối ngoại và đối nội. Nói chung, người Việt Nam phải từ bỏ lối suy tư "địch-ta" về ngoại giao cũng như trong sự cư xử với nhau. Về ngoại giao phải làm đủ mọi cách để tránh chiến tranh, hay tránh xung khắc với các nước khác, để người dân khỏi bị ép vào thế "song trùng" về kỷ luật – ra lệnh, tuân lệnh – trong tình trạng phải luôn luôn sẵn sàng ứng chiến. Đối nội, phải thực hiện hoà giải giữa mọi thành phần dân tộc, xóa bỏ não trạng "đấu tranh" với "kẻ thù giai cấp" và "những thế lực thù nghịch," "chống cộng đến cùng," để tránh sự đòi hỏi kỷ luật dẫn đến sự hạn chế những quyền của công dân, và sự duy trì chế độ độc tài.

Điều thứ ba, phát triển kinh tế, có lẽ là điều căn bản nhất. Tăng gia sản xuất hàng hóa và dịch vụ, để nâng cao mức sống của người dân, đưa họ ra khỏi cảnh nghèo đói, để họ khỏi bị nhu cầu tồn tại của bản thân và của gia đình buộc phải cúi đầu, ngậm miệng, chấp nhận thân phận nô lệ. Lịch sử các quốc gia Tây phương cho thấy là đây là một tiến trình dài, nhưng lịch sử các quốc gia Á Đông cho thấy rằng quá trình này có thể rút ngắn một cách ngoạn mục, như trường hợp Nhật Bản thời Minh Trị ở thế kỷ XIX, và gần đây hơn của các quốc gia như Nam Hàn, Đài Loan, Singapore, Mã Lai, trong những thập niên sau 1970. Có một mức sống cao hơn, không còn bị đói rách quá độ làm cho mất hết nhân phẩm, người dân sẽ có điều kiện hơn để kềm chế sự hèn nhát, chống lại những lấn áp quyền công dân của mình.

Tuy rằng những hoạt động trên đây đều có tác động nhiều ít về việc chấm dứt tình trạng nô lệ của dân Việt Nam, nhưng xét một cách thực tế, nó cũng chỉ có hiệu nghiệm giới hạn. Như Ông

Vương Sử nói, đất nước Việt Nam đã bị đẩy theo "cái quái thai" lý thuyết xã hội chủ nghĩa và thấy kết quả thảm bại của nó, "vậy mà còn nhiều người vẫn còn muốn tiếp tục hoặc còn luyến tiếc giữ lấy nó một cách tuyệt vọng." Ông cho đó quả thực là "một điều phi lý khó tưởng tượng, không có sự phi lý nào hơn thế nữa." Nhưng Ông cũng công nhận rằng cuộc đấu tranh vì dân chủ ở trong nước chưa có những điều kiện thuận lợi "bởi vì nó chưa phải là mối quan tâm của đông đảo quần chúng." Đó là sự thực phũ phàng hiện nay.

Rốt cục, chỉ có những người trong nước, những người trong cuộc, tự trong hàng ngũ – nằm trong chân – cộng sản, đặc biệt là những giới trẻ, mới chấm dứt được thân phận nô lệ của dân Việt. Ông Vương Sử cũng công nhận rằng "tương lai của đất nước nằm trong tầm tay của những người trong nước." Chỉ có họ mới có lý do thực sự – tương lai của họ – khả năng, cơ hội, và thời gian để phá vỡ "điều phi lý" mà Ông cho rằng "khó tưởng tượng."

Một trong những "quy luật" phát triển xã hội của Marx đưa ra, mà những người Mác-xít thường nhắc đến để lập luận rằng xã hội chủ nghĩa nhất định sẽ thắng, mà ta cũng sẵn sàng chấp nhận, nhưng với một kết luận ngược lại về tương lai của chủ nghĩa xã hội, là: mỗi chế độ xã hội mang trong bản thân nó hạt nhân của chế độ sẽ tiêu diệt nó; hạt nhân này sẽ lớn dần, và tới một lúc nào đó, nó sẽ thành xã hội mới thay xã hội cũ.

Ông Vương Sử đã đề cập đến "những hạt giống quý," những chiến sĩ trẻ hiện nay ở trong nước, như Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Khắc Toàn... đang đấu tranh cho lợi ích chung cho dân tộc. Đặc trưng của nhóm tranh đấu trẻ này là họ là đám tiên phong của thế hệ mới, xuất thân từ ngay trong lòng chế độ hiện tại. Họ là những hạt giống của chế độ không còn nô lệ nữa sẽ thay thế chế độ cộng sản chuyên chế và tàn bạo hiện nay. Dù rằng đám chóp bu ĐCSVN hiện nắm cơ chế Đảng đang dùng những biện pháp bạo lực tàn bạo tối đa để bóp diệt phong trào đòi quyền công dân đang phát động trong giới trẻ, nhưng ta có thể tin rằng rốt cục họ cũng không thể ngăn cản những hạt nhân này nảy nở và lớn lên đến tầm sức lật đổ chế độ phi dân chủ, phi dân tộc hiện tại, mở đường cho một xã hội Việt Nam mới trong đó sẽ không còn vết nô lệ nữa.

Ottawa, Tháng 3, 2003